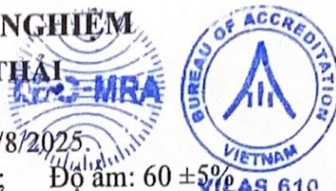




Số: 109/2025/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 20 tháng 8 năm 2025.
2. Thời gian thử nghiệm: từ ngày 20/8/2025 đến ngày 22/8/2025.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Quan trắc định kỳ Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh đợt 3 năm 2025
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường ☒ Gửi phòng thử nghiệm ☐
6. Vị trí lấy mẫu:

- NT₂₉₇: Nước thải đầu vào tại bể thu gom của hệ thống xử lý tập trung, điểm lấy mẫu có toạ độ: 105°53'38,66" (Đ); 18°17'41,00" (B);

- NT₂₉₈: Nước thải sau hệ thống xử lý (trước khi xả ra môi trường), điểm lấy mẫu có toạ độ: 105°53'38,33" (Đ); 18°17'40,41" (B);

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				NT ₂₉₇	NT ₂₉₈
1	Lưu lượng ⁽¹⁾	SOP.HT.07.36	m ³ /h	86	73
2	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,9	7,2
3	Nhiệt độ ⁽¹⁾	SMEWW 2550B:2023	°C	34,7	30,4
4	Độ màu	TCVN 6187:2015	Pt-Co	569	27
5	BOD ₅	TCVN 6060-1:2021	mg/l	462	9,3
6	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	1.100	20
7	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	240	7,0
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	83,7	0,29
9	Tổng Phenol	TCVN 6216: 1996	mg/L	0,035	<0,001
10	Sunfua (H ₂ S)	SMEWW 4500-S ² B&D:2023	mg/l	3,68	<0,04
11	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	88,4	15,9
12	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/l	13,6	2,48
13	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	11.000	<1,8
14	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/l	1,35	<1,0

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
 - Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn